**TUẦN 11**

**Ngày thứ 1**

**Ngày soạn:** *16/11/2024*

**Ngày giảng:** *Thứ Hai ngày 18 tháng 11 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
| **TOÁN**  **Bài 10: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 10**  **(Tiết 6 - trang 66, 67)**  **A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**  - Biết tìm kết quả phép cộng trong phạm vi 10 bằng cách đếm tất cả hoặc đếm thêm  - Bước đầu nhận biết được đặc điểm của phép cộng với 0: số nào cộng với 0 cũng bằng chính số đó, 0 cộng với số nào cũng bằng chính số đó. Vận dụng được đặc điểm này trong thực hành tính  - Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10  - Biết tính và tính được giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính cộng (Theo thứ tự từ trái sang phải).  - Bước đầu nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các công thức số (dạng 3 + 4 = 4 + 3). Vận dụng tính chất này trong thực hành tính.  - Viết được phép cộng phù hợp với tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tế có vấn đề cần giải quyết bằng phép cộng.  - Nêu được bài toán phù hợp với tranh vẽ, mô hình đã có; trả lời được câu hỏi của bài toán.  **B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**  **1. Giáo viên:**  - Máy tính, máy chiếu, SGK Toán  **2. Học sinh:**  - Bộ đồ dùng học Toán  **C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  **-** GV cho cả lớp hát 1 bài  **II. Hoạt động thực hành luyện tập.**  **\*Bài 1: Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - HD HS tìm ra kết quả của từng phép tính  - HS thực hiện  - GV cùng HS nhận xét | - HS hát   * HS thực hiện * HS nhận xét |
| **\*Bài 2: Tính nhẩm**  - GV nêu yêu cầu bài tập  -GV hỏi: 4 cộng mấy bằng 7?  - Vậy ta điền vào ô trống số mấy?  GV hướng dẫn tương tự với các bài còn lại  -HS trả lời, ghi kết quả vào vở  - GV cùng HS nhận xét | - HS nêu 4 cộng 3 bằng 7  - HS trả lời  - HS ghi kết quả vào vở  - HS nhận xét |
| **\*Bài 3:**  - GV nêu yêu cầu bài tập  - Yêu cầu HS quan sát tranh  - GV HD HS nêu được bài toán theo tình huống  - Yêu cầu HS thực hiện phép cộng  - GV cùng HS nhận xét | - HS quan sát  - HS nêu bài toán  - HS thực hiện phép cộng |
| **\*Bài 4: Số ?**  **-** GV nêu yêu cầu bài tập  - GV HD HS cách làm: Tính kết quả của phép cộng đã cho rồi nêu các quả bóng có phép tính có kết quả bằng 10  -Yêu cầu HS chỉ vào phép tính có kết quả bằng 10 và đọc phép tính  - GV cùng Hs nhận xét | - HS quan sát  - HS làm bài  - HS nêu  - HS thực hiện |
| **\*Bài 5: Số ?**  - GV nêu yêu cầu bài tập  -GV cho HS quan sát tháp số và dựa vào gợi ý của rô bốt để nhận ra các số trên tháp số  -HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | - HS quan sát  - HS nêu  - HS thực hiện |
| **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? |  |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiếng Việt**

**Bài 46: AC, ĂC, ÂC (Trang 104, 105)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ac, ăc, âc;* đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ac, ăc, âc*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *ac, ăc, âc* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *ac, ăc, âc.*

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ac, ăc, âc* có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin phép.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về phong cảnh.

- Cảm nhận được vẻ đẹp một vùng đất của Tổ quốc, từ đó yêu mến hơn quê hương, đất nước.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi.  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu câu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu câu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Tây Bắc/ có ruộng bậc thang/ có thác nước.*  - GV giới thiệu các vần mới *ac, ăc, âc*. Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần *ac, ăc, âc*.  + GV yêu câu một số (2 - 3) HS so sánh vần *ac, ăc, âc* để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần *ac, ăc, âc.*  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vẫn một lần.  **-Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu câu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ac*.  + GV yêu cầu HS tháo chữ *a,* ghép *ă* vào để tạo thành *ăc*.  + GV yêu câu HS tháo chữ *ă*, ghép *â* vào để tạo thành *âc*.  + GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh *ac, ăc, âc* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng *thác.* GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *thác*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *thác* (thờ - ác - thác - sắc - thác). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *thác*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *thác*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *thác*.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ac, ăc, âc.*  + GV yêu câu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *bác sĩ, mắc áo, quả gấc*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *bác sĩ*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *bác sĩ* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *ac* trong *bác sĩ*, phân tích và đánh vần tiếng *bác*, đọc trơn từ ngữ *bác sĩ*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *mắc áo, quả gấc*.  - GV yêu câu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đổng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *ac, ăc, âc*. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *ac, ăc, âc*.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: *ac, ăc, âc*, bác, mắc, gấc (chữ cở vừa).  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS đọc.  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs lắng nghe.  - HS tìm.  - HS lắng nghe.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  - HS đọc trơn tiếng mẫu.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS thực hiện.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết, phân tích, đánh vần..  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS quan sát.  - HS viết.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *ac, ăc, âc*, từ ngữ *mắc áo, quả gấc.*  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ac, ăc, âc.*  - GV yêu cầu một số (4- 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ac, ăc, âc* trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 - 2 lần. Sau đó từng nhóm rối cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  *+ Sa Pa ở đâu?*  *+ Vào mùa hè, mỗi ngày, Sa Pa như có mấy mùa?*  *+ Sa Pa có những gì?*  **6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát và nói về tình huống trong tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, đóng vai thực hành nói lời xin phép.  - GV yêu cầu một số HS đóng vai thực hành nói lời xin phép trước cả lớp. GV và HS nhận xét.  **III.Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - HS tìm một số từ ngữ chứa vần *ac, ăc, âc* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần *ac, ăc, âc* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS lắng nghe.  - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm .  - HS đọc.  - HS xác định.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS nói.  - HS làm.  - HS đóng vai.  - HS tìm.  - HS làm. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày thứ 2.**

**Ngày soạn:** 16/11/2024

**Ngày giảng**: *Thứ Ba ngày 19 tháng 11 năm 2024*

**Tiếng Việt**

**Bài 47: OC, ÔC, UC, ƯC (Trang 106, 107)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc dúng các vần *oc, ôc, uc, ưc*; đọc dúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *oc, ôc, uc, ưc*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *oc, ôc, uc, ưc* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *oc, ôc, uc, ưc*.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *oc, ôc, uc, ưc* có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói về niềm vui, sở thích.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật và tranh về hoạt động của con người.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của cảnh vật, từ đó yêu hơn thiên nhiên và cuộc sống.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoat động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - GV cho HS hát chơi trò chơi.  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu câu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu câu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Ở góc vườn,/ cạnh gốc cau,/ khóm cúc nở hoa vàng rực*.  - GV giới thiệu các vần mới *oc, ôc, uc, ưc.* Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần *oc, ôc, uc, ưc*.  + GV yêu câu một số (2 - 3) HS so sánh các vần *oc, ôc, uc, ưc* để tìm ra điểm giống và khác nhau.  + GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau gìữa các vần.  - **Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần *oc, ôc, uc, ưc.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 4 vần.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 4 vần một lần.  - **Đọc trơn các vần**  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 4 vần.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh 4 vần một lần.  - **Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu câu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *oc*.  + GV yêu câu HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôc*.  + GV yêu câu HS tháo chữ *ô,* ghép *u* vào để tạo thành *uc*.  + GV yêu cầu HS tháo chữ *u*, ghép *ư* vào để tạo thành *ưc*.  - GV yêu câu lớp đọc đồng thanh *oc, ôc, uc, ưc* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *góc*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *góc.*  + GV yêu câu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *góc* (*gờ - óc – góc - sắc - góc*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *góc.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *góc*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *góc*.  - Đọc tiếng trong SHS  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  **+ Đọc trơn tiếng.**  - GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một các tiếng.  - GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  **- Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *oc, ôc, uc, ưc.*  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *con sóc, cải cốc, máy xúc, con mực*. - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *con sóc*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *con sóc* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *oc* trong *con sóc,* phân tích và đánh vần tiếng *sóc*, đọc trơn từ ngữ *con sóc*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *cái cốc, máy xúc, con mực.*  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *oc, ôc, uc, uc.* GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vẫn *oc, ôc, uc, ưc.*  - GV yêu câu HS viết vào bảng con: *oc, ôc, uc, ưc* và *sóc, cốc, xúc, mực* (chữ cỡ vừa).  - HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi.  - HS quan sát, trả lời.  - HS nói.  - HS đọc.  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs tìm.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe, quan sát.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết.  - HS thực hiện  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS viết.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *oc, oc, uc, ưc*; từ ngữ *cốc, máy xúc, mực*. GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *oc, ôc, uc, ưc.*  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng nói mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *oc, ôc, uc, ưc* trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu câu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  *+ Đi học về, Hà thấy mấy khóm cúc thể nào?*  *+ Hà cắm cúc vào đâu?*  *+ Mẹ khen Hà thế nào?*  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu câu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  *+ Có những ai ở trong tranh*  *+ Theo em, các bạn đang làm gì?*  *+ Sở thích của em là gì?*  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về sở thích của các em.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *oc, ôc, uc, ưc* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần *oc, ôc, uc, ưc* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS viết.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc.  - HS xác định.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS tìm.  - Hs lắng nghe. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ĐẠO ĐỨC**

**Bài 9: CHĂM SÓC, GIÚP ĐỠ EM NHỎ (Trang 26)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết được biểu hiện và ý nghĩ của việc chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ.

- Thể hiện sự chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ bằng những việc làm phù hợp với lứa tuổi.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:**

**-** SGK, SGV, vở bài tập đạo đức 1

- Tranh ảnh, tuyện, hình dán mặt cười – mặt mếu, âm nhạc (bài hát “Làm anh khó đấy” – nhạc: Nguyễn Đình Khiêm, thơ: Phan Thị Thanh Nhàn)

- Máy tính, bài giảng PP

**2. Học sinh:** SGK, vở bài tập đạo đức 1

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  - GV cho HS nghe và cùng hát bài “Làm anh khó đấy”.  + Anh đã làm những việc gì khi: em bé hóc, ngã, mẹ cho quà bánh?  + Theo em, làm anh có khó không?  *Kết luận:* Chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ là việc làm thể hiện sự quan tâm và yêu thương em.  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Khám phá**  - GV treo 5 tranh mục Khám phá trong SGK (hoặc dùng các phương tiện dạy học khác để chiếu hình), chia HS thành các nhóm (từ 4- 6 HS), giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm quan sát kĩ các tranh để kể những việc làm thể hiện sự chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ.  - Đại diện một nhóm lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm thông qua các tranh (có thể đặt tên cho nhân vật trong tranh).  - Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.  + Tranh 1: Bạn quan tâm, nhắc nhở em ăn nhiều thêm.  + Tranh 2: Bạn dạy em đọc chữ.  + Tranh 3: Bạn đưa đồ chơi cho em.  + Tranh 4: Trời lạnh, bạn quàng khăn ấm cho em.  + Tranh 5: Bạn nhường em ăn bánh, kẹo.  + Vì sao cần chăm sóc giúp đỡ em nhỏ?  + Em cần làm gì để chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ?  - GV lắng nghe các ý kiến của học sinh, khen ngợi.  **Kết luận*: Chăm sóc, gia chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ là thể hiện tình yêu thương gia đình. Em cần chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ bằng những việc làm phù hợp như: nhắc em giữ vệ sinh, ăn uống đầy đủ; dạy em cách chơi, giữ sức khỏe khi trời lạnh,…***  **2. Luyện tập**  **Hoạt động 1: *Em chọn việc nên làm***  - GV chia HS theo nhóm, hướng dẫn các nhóm quan sát tranh và lựa chọn: Việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?  - Gv treo tranh lên bảng hay chiếu hình để HS lên gắn sticker mặt cười hay mặt mếu (hoặc dùng thẻ màu xanh, đỏ) để tất cả các nhóm lên gắn kết quả thảo luận.  + Việc nên làm:  Tranh 2: Anh yêu thương, vỗ về em gái.  Tranh 4: Em tích chơi ô tô, anh nhường cho em chơi.  Tranh 5: Chị gái chải tóc cho em.  Tranh 6: Chị hỏi han, kiểm tra em xem có sốt không.  + Việc không nên làm:  Tranh 1: Chị trêu chọc, giật tóc làm em đau, em khóc rất to.  Tranh 3: Anh tranh giành đồ chơi của em.  **Kết luận*: Những việc nên làm để chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ: yêu thương, nhường nhịn em. Không trêu chọc, tranh giành đồ chơi em.***  **Hoạt động 2: *Chia sẻ cũng bạn***  - GV nêu yêu cầu: Em hãy chia sẻ với bạn những việc em đã làm để chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ.  - HS chia sẻ qua thực tế của bản thân.  - GV nhận xét và khen ngợi các bạn đã biết chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ.  **3. Vận dụng**  **Hoạt động 1: *Xử lí tình huống***  - GV đưa tình huống ở tranh mục Vận dụng và đặt câu hỏi cho cả lớp:  + Nếu là anh, chị của em bé đang khóc, em sẽ làm gì?  - GV lắng nghe, khen ngợi, tổng kết các ý kiến của HS và đưa ra những cách xử lí:  + Ôm em và dỗ dành em.  + Bày những đổ chơi em thích để dỗ em.  + Nếu em đói, lấy sữa hoặc bánh cho em ăn,...  **Kết luận*: Làm anh chị, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ là những việc làm cần thiết.***  **Hoạt động 2 *:Em luôn chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ bằng những việc làm phù hợp***  GV gợi ý HS chia sẻ những cách thể hiện sự chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ như: dỗ dành khi em khóc; nhường em đồ chơi đẹp, phần quà bánh; hỏi han, động viên khi em buồn; hướng dẫn em học bài, làm việc nhà;...  **Kết luận*: Em luôn thể hiện sự chăm sóc, giúp đỡ em nhỏ bằng những việc làm phù hợp với bản thân.***  ***Thông điệp****:* GV chiếu/viết thông điệp lên bảng  **III: Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV nhận xét tiết học  - Dặn HS chuẩn bị bài sau | - HS hát  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh  - HS trả lời  - HS lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn vừa trình bày.     * HS trả lời * HS lắng nghe * HS lắng nghe          - HS quan sát tranh  - Học sinh trả lời        - HS tự liên hệ bản thân kể ra.  - HS lắng nghe.   * HS chia sẻ * HS lắng nghe   -HS lắng nghe  -HS chia sẻ  - HS quan sát trên bảng hoặc nhìn vào SGK, đọc..  -HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................

**Ngày thứ 3:**

**Ngày soạn:***16/11/2024.*

**Ngày giảng:** *Thứ Tư ngày 20 tháng 11 năm 2024***.**

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 48: AT, ĂT, ÂT (Trang 108, 109)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần *at, ăt, ât*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *at, ăt, ât*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần *at, ăt, ât* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *at, ăt, ât*.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *at, ăt, ât* có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói lời xin phép.

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về hoạt động của con người.

- Cảm nhận được tình cảm, sự gần gũi gìữa các HS trong lớp học, gìữa các thành viên trong gìa đình được minh hoạ trong tranh; từ đó yêu mến hơn lớp học và gia đình của mình.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu câu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo, GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Nam bắt nhịp/ cho tất cả các bạn hát.*  - GV giới thiệu các vần mới *at, ăt, ât*. Viết tên bải lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  **- So sánh các vần**  + GV giới thiệu vần *at, at, ât*.  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh các vần *at, ăt, ât* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần *at, ăt, ât*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  + GV yêu câu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  **- Ghép chữ cái tạo vần**  + GV yêu cầu HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *at*.  + GV yêu câu HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăt.*  + GV yêu câu HS tháo chữ *ă,* ghép *â* vào để tạo thành *ât*.  - GV yêu cầu lớp đọc đồng thanh *at, ăt, ât* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  **- Đọc tiếng mẫu**  + GV giới thiệu mô hình tiếng *hát*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *hát*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *hát* (hờ - át - hát - sắc - hát). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *hát*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *hát*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *hát*.  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - **Ghép chữ cái tạo tiếng**  + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *at, ăt, ât*.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  c**. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *bãi cát, mặt trời, bật lửa*.  Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *bãi cát*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *bãi cát* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *at* trong *bãi cát*, phân tích và đánh vần tiếng *cát,* đọc trơn từ ngữ *bãi cát*.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với *mặt trời, bật lửa.*  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *at, ăt, ât*.  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần at, ăt, ât.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: *at, ăt, ât* và *cát, mặt, bật* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ăt* và *ât* vì trong *ắt* đã có *at*.  - Y/c HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - Hs chơi.  - HS trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - Hs lắng nghe và quan sát.  - Hs so sánh.  - Hs lắng nghe.  - HS đánh vần.  - Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS đánh vần, lớp đánh vần.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS tự tạo.  - HS phân tích.  - HS ghép lại.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS viết.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *at, ăt, ât*; từ ngữ *mặt trời, bật lửa.*  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu cầu HS đọc thẩm và tìm các tiếng có vần *at, ăt, ât.*  - GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rối mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *at, ăt, ât* trong đoạn văn một số lấn.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi thanh một lần. một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  *+ Hè đến, gìa đình Nam đi đâu?*  *+ Mẹ và Nam chuẩn bị những gì?*  *+ Vì sao Nam rất vui?*  **6. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SHS, GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu:  *+ Có những ai trong tranh?*  *+ Có đồ chơi gì trong tranh?*  *+ Theo em, nếu bạn nhỏ muốn chơi đồ chơi đó thì phải nói gì với bác chủ nhà?*  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về những trường hợp phải xin phép.  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV yêu cầu HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *at, ăt, ât* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS. GV lưu ý HS ôn lại các vần *at, ăt, ât* và khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà. | - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS đọc. HS tìm.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Hs tìm.  - HS lắng nghe. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Toán**

**Bài 11: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**(Tiết 1- trang 68)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được ý nghĩa của Phép trừ.

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10.

- Bước đầu làm được các bài toán thực tế đơn giản liên quan đến phép trừ (giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống).

- Giao tiếp diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài tính.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, máy chiếu

- Tìm các bài toán, tình huống liên quan đến phép trừ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở, bộ đồ dùng toán

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  - GV cho cả lớp hát | **-** Hát |
| **II. Hình thành kiến thức**  **1. Khám phá:** **Bớt đi còn lại mấy?** |  |
| - GV nêu bài toán: “ Có 6 quả cam, bớt 1 quả còn lại mấy quả cam?”  - Y/c HS đếm số quả cam còn lại.  GV: 6 quả bớt 1 quả còn 5 quả, hay nói 6 bớt 1 là 5, 6 trừ 1 là 5, 6 – 1 = 5, dấu - là dấu trừ  - GV đọc phép tính 6 – 1 = 5  - Y/c HS tự trả lời câu hỏi như câu a  **2. Thực hành** | - HS theo dõi.  - HS đếm  - HS đọc phép tính.  - HS trả lời |
| **\*Bài 1: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập.  a) Hd HS quan sát tranh nêu phép tính trừ:  8 - 3 = 5 rồi nêu số thích hợp vào ô  - Trên cây còn 5 quả đã hái đi mấy quả?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Y/C HS nêu kết quả.  - GV cùng HS nhận xét.  Tương tự GV cho HS làm câu b) | - Hs quan sát.  - HS theo dõi.  - HS nêu.  - HS làm  - HS nêu kết quả, nhận xét. |
| **\*Bài 2: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Hd HS quan sát hình vẽ:  GV giới thiệu: dấu gạch đi có nghĩa là trừ đi  - Yêu cầu HS từ hình vẽ tìm ra kết quả phép tính thích hợp  - Y/c HS nêu phép tính tìm được.  - Y/c Thực hiện bài tập vào vở  - GV cùng HS nhận xét | - HS quan sát.  - HS nêu phép tính, kết quả phép tính.  - HS thực hiện vào vở.  - Nhận xét. |
| **III. Vận dụng ,trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | **-** HS nêu. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Bài 7: KÍNH YÊU THẦY CÔ (Tiết 1 - Trang 28)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

HS có khả năng:

- Biết được các công việc hằng ngày của thầy, cô giáo

- Biết thể hiện lòng biết ơn và kính yêu thầy, cô giáo

- Rèn kĩ năng kể chuyện, sắm vai, lắng nghe, tự tin, hợp tác và giải quyết vấn đề, - Bước đầu hình thành, rèn phẩm chất trung thực, trách nhiệm, tôn sư trọng đạo

- Yêu thích môn học

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

- Sưu tầm câu chuyện về tấm lòng của thầy cô và lòng biết ơn của HS đối với thầy cô

- Một số mẫu thiệp chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam

**2. Học sinh:**

- Thuộc bài hát Cô và mẹ

- Dụng cụ, vật liệu làm sản phẩm trưng bày vào “Góc tri ân” của lớp và làm thiệp kính tặng thầy, cô

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  -GV tổ chức cho HS hát bài hát “Cô và mẹ”  +Bài hát nói về điều gì? Em cảm thấy như thế nào khi hát bài hát này? | -HS tham gia |
| **II. Khám phá – kết nối**  **Hoạt động 1: Chia sẻ những điều thầy cô đã làm cho em hằng ngày**  -GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thảo luận, chia sẻ theo gợi ý:  +Em hãy kể lại những điều thầy cô đã làm cho em hằng ngày ở lớp, trường  +Kể lại một câu chuyện em nhớ nhất về thầy, cô giáo  +Nêu cảm nhận của em về thầy, cô giáo  -Mời 1 số HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm  -Khuyến khích HS xung phong kể lại câu chuyện em nhớ nhất về thầy, cô giáo và nêu cảm nhận của em về thầy cô  -**Kết luận:** ***Hằng ngày, thầy, cô giáo dạy các em học chữ, làm toán, các kiến thức khoa học, dạy các em múa hát và nhiều điều hay, lẽ phải. Thầy cô luôn ân cần hỏi han các em khi có chuyện không vui và khuyến khích, động viên các em cố gắng học tập, rèn luyện để trở thành người có ích cho xã hội***  **Hoạt động 2: Thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô**  -GV yêu cầu HS nhắc lại những điều đã khám phá được qua hoạt động 1 và nêu câu hỏi:  +Các em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô?  +Em đã làm được những gì để thể hiện lòng biết ơn, kính yêu thầy cô?  -Tổ chức thảo luận cặp đôi (hoặc nhóm 4) trả lời câu hỏi trên  -Mời đại diện nhóm trình bày  -GV nhận xét, khen ngợi HS và kết luận:  ***Thầy cô giáo luôn yêu thương, chăm lo dạy dỗ các em. Các em cần tỏ lòng biết ơn và kính yêu thầy cô bằng các việc làm cụ thể như: đi học đúng giờ, chăm chỉ học tập, tập trung nghe giảng, không nói chuyện, không làm việc riêng, tích cực tham gia các hoạt động, tích cực phát biểu ý kiến, làm thiệp, tặng hoa thầy cô,…***  -HD HS làm sản phẩm trưng bày vào “Góc tri ân” của lớp  -Nhắc HS chuẩn bị đồ dùng cần thiết để làm thiệp | -HS thực hiện theo yêu cầu  -HS chia sẻ  -HS kể lại kĩ niệm của mình  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ theo nhóm  -HS tham gia nhận xét  -HS ghi nhớ |
| **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm**  -Nhận xét tiết học  -Dặn dò chuẩn bị tiết sau | -HS lắng nghe |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

..................................................................................................................................................................................................................................................................\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Ngày thứ 4**

**Ngày soạn** : 16/11/2024

**Ngày giảng** :*Thứ Năm ngày 21 tháng 11 năm 2024*

**TIẾNG VIỆT**

**Bài 49: OT, ÔT, ƠT (Trang 110, 111)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ot, ôt, ơt; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần ot, ôt, ơt; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng các vần ot, ôt, ơt (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ot, ôt, ơt

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần ot, ôt, ơt có trong bài học.

- Phát triển kỹ năng nói về chủ điểm thế giới trẻ thơ (các hoạt động vui chơi, gìải trí).

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật.

- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống, từ đó yêu hơn thiên nhiên và

cuộc sống.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?*  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Vườn nhà bà/ có ớt,/ rau ngót/ và cà rốt.*  - GV giới thiệu các vần mới *ot, ôt, ơt.* Viết tên bài lên bảng.  **2. Đọc**  **a. Đọc vần**  + GV yêu cầu một số (2 - 3) HS so sánh các vần *ot, ôt, ot* để tìm ra điểm gìống và khác nhau. GV nhắc lại điểm gìống và khác nhau giữa các vần.  **- Đánh vần các vần**  + GV đánh vần mẫu các vần *ot, ôt, ơt*.  + GV yêu cầu lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần. Một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.  **- Đọc trơn các vần**  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.  + GV yêu cầu lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.  - Ghép chữ cái tạo vần  + GV yêu cầu tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ot.*  + HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôt.*  + HS tháo chữ ô, ghép ơ vào để tạo thành *ơt.*  - GV yêu câu lớp đọc đồng thanh *ot, ôt, ơt* một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu  + GV giới thiệu mô hình tiếng *ngót.* GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *ngót.*  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *ngót (ngờ - ót - ngót - sắc - ngót*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *ngót*.  + GV yêu cầu một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *ngót*. Lớp đọc trơn đóng thanh tiếng *ngót.*  **- Đọc tiếng trong SHS**  + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.  + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.  + GV yêu cầu mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.  - Ghép chữ cái tạo tiếng  + GV yêu cầu HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ot, ôt, ơt*.  + GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1- 2 HS nêu lại cách ghép.  + GV yêu câu lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *quả nhót, lá lốt, quả ớt.*  - Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *quả nhót*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *quả nhót* xuất hiện dưới tranh.  - GV yêu cầu HS nhận biết tiếng chứa vần *ot* trong *quả nhót*, phân tích và đánh vần tiếng *nhót*, đọc trơn từ ngữ *quả nhót*.  - GV thực hiện các bước tương tự đối với *lá lốt, quả ớt.*  - GV yêu cầu HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ**  - GV yêu cầu từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **3. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ viết các vần *ot, ôt, ơt*. GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *ot, ôt, ơt*.  - GV yêu cầu HS viết vào bảng con: *ot, ôt, ơt* và *nhót, lốt, ớt* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ôt* và *ơt* vì trong ôt đã có *ot*.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn,  - GV nhận xét, đánh gìá và sửa lỗi chữ viết cho HS. | - HS chơi.  - HS quan sát, trả lời.  - HS nói.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS tìm.  - HS lắng nghe.  - HS đánh vần.  - HS đọc trơn.  - Cả lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS tìm, ghép.  - HS ghép.  - HS ghép.  - HS đọc.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - HS đánh vần. Lớp đánh vần đồng thanh.  - HS đọc trơn. Lớp đọc trơn đồng thanh.  -HS đánh vần, lớp đánh vần  - HS đọc  -HS đọc  -HS tự tạo  - HS phân tích, nêu cách ghép.  - Lớp đọc trơn đồng thanh.  - HS quan sát.  - HS lắng nghe, quan sát.  - HS nói.  - HS nhận biết.  - HS thực hiện.  - HS đọc.  - HS đọc.  - HS quan sát.  - HS viết.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Viết vở**  - GV yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập một các vần *ot, ôt, ơt*; từ ngữ *lá lốt, quả ớ*t.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS.  **5. Đọc đoạn**  - GV đọc mẫu cả đoạn.  - GV yêu câu HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ot, ôt, ơt*.  - GV yêu câu một số (4 - 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ot, ôt, ot* trong đoạn văn một số lần.  - GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn văn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1-2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV yêu cầu một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:  *+ Buổi sáng thức dậy, Nam nhìn thấy gì?*  *+ Chim sâu đang làm gì? Ở đâu?*  *+ Những từ ngữ nào chỉ hành động của chim sâu?*  **6. Nói theo tranh**  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh (Dẫn dắt: Thế giới của em gồm tất cả những gì gần gũi, những trải nghiệm, những sở thích hay thói quen hàng ngày của em,… Đó có thể là những trò chơi quen thuộc, những cuộc khám phá thiên nhiên kỳ thú mà em được trải nghiệm qua màn ảnh nhỏ, những bức tranh mà em vẽ ra,..).  **III. Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - HS tìm một số từ ngữ chứa các vần *ot, ôt, ot* và đặt câu với từ ngữ tìm được.  - GV lưu ý HS ôn lại các vần *ot, ôt, ơt* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà. | - HS viết.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm, tìm.  - HS đọc  - HS xác định  - HS đọc  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - Hs lắng nghe.  - HS tìm.  - HS làm. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**VẬN ĐỘNG ĐẦU CỔ**

**I. Mục tiêu bài học**

**1.Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động và các bài tập phát triển thể lực, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

**2. Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước cách thực hiện các động tác phối hợp, động tác điều hòa trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Thuộc tên động tác và thực hiện được các động tác phối hợp, động tác điều hòa và vận dụng vào các hoạt động tập thể .

**II. Địa điểm – phương tiện**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

- Phương pháp dạy học chính: Làm mẫu, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi và thi đấu.

- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp.

**IV. Tiến trình dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LVĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **Thời gian** | **Số lượng** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  **1.Nhận lớp**  **2.Khởi động**  a) Khởi động chung  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  b) Khởi động chuyên môn  - Các động tác bổ trợ chuyên môn  c) Trò chơi  - Trò chơi “chồng đống chồng đe”  **II. Phần cơ bản:**  **Hoạt động 1 (tiết 1)**  **\* Kiến thức.**  **Động tác phối hợp.**  N1: Khuỵu gối, hai tay ra trước vỗ vào nhau.  N2: Cúi người gập thân, hai tay chạm mũi bàn chân.  N3: Đứng thằng hai tay giang ngang, bàn tay ngửa  N4: Về TTCB  N5,6,7,8: Lặp lại nhịp 1,2,3,4  - Ôn động tác vươn thở, tay, chân, vặn mình, bụng.  \***Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Thi đua giữa các tổ  \* Trò chơi “tiếp sức con thoi”  **III.Kết thúc**  \* Thả lỏng cơ toàn thân.  \* Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  \* Xuống lớp | 5 – 7’  16-18’  3-5’  4- 5’ | 2x8N    2x8N  2 lần  4lần  4lần  1 lần | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - Gv HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh  GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - GV hô - HS tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho HS.  - Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - GV cho 2 HS quay mặt vào nhau tạo thành từng cặp để tập luyện.  - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi.  - Cho HS chơi thử và chơi chính thức.  - Nhận xét, tuyên dương, và sử phạt người (đội) thua cuộc  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS.  - VN ôn bài và chuẩn bị bài sau | Đội hình nhận lớp    - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  Đội hình khởi động      - HS khởi động theo hướng dẫn của GV  - HS tích cực, chủ động tham gia trò chơi  - Đội hình HS quan sát tranh    HS quan sát GV làm mẫu  - Đội hình tập luyện đồng loạt.  ***ĐH tập luyện theo tổ***        GV  -ĐH tập luyện theo cặp      - Từng tổ lên thi đua - trình diễn    HS thực hiện thả lỏng  - ***ĐH kết thúc*** |

**Ngày thứ 5**

**Ngày soạn** : *16/11/2024*

**Ngày giảng** : *Thứ Sáu ngày 22 tháng 11 năm 2024*

**TOÁN**

**Bài 11: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10**

**(Tiết 2 - trang 70)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết được ý nghĩa của Phép trừ.

- Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10.

- Bước đầu làm được các bài toán thực tế đơn giản liên quan đến phép trừ (giải quyết một tình huống cụ thể trong cuộc sống).

- Giao tiếp diễn đạt, trình bày bằng lời nói khi tìm phép tính và câu trả lời cho bài tính.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, máy chiếu

- Tìm các bài toán, tình huống liên quan đến phép trừ.

**2. Học sinh**: SGK, Vở, bộ đồ dùng toán

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Khởi động**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu bài : | **-** Hát  - Lắng nghe |
| **II. Hình thành kiến thức**  **1. Khám phá: Tách ra còn lại mấy**  a. Yêu cầu HS quan sát tranh  - GV hỏi: 9 bông hoa gồm cả (nhóm) hoa màu đỏ và (nhóm) hoa màu vàng, biết hoa màu vàng có 3 bông, hoa màu đỏ có mấy bông?  - GV hình thành phép tính: 9 - 3 = 6  - GV đọc phép tính  b. GV cho HS khám phá như câu a  **2. Hoạt động thực hành luyện tập** | **-** HS quan sát, theo dõi.  - HS trả lời  - HS nhắc lại |
| **\*Bài 1: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Hd HS quan sát tranh, và hình thành phép tính 6 – 2 = 4  ? Vậy có mấy sóc bông?  - HS nêu kết quả  - GV cùng HS nhận xét | - HS theo dõi.  **-** HS quan sát.  - HS thực hiện  - HS nêu kết quả.  - HS nhận xét. |
| **\*Bài 2: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Hd HS quan sát tranh, và hình thành phép tính 8 – 4 = 4  - HS tự trả lời: Có 8 con thỏ ở chuồng b  - GV cùng HS nhận xét | - HS theo dõi.   * - HS quan sát tranh. * HS nêu kết quả. * HS nhận xét. |
| **\*Bài 3: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập.  - HD HS dựa vào tách số tìm phép trừ tương ứng.  - HS nêu thực hiện.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi  - HS thực hiện  - HS nêu kết quả  - HS nhận xét |
| **\*Bài 4: Số ?**  - Nêu yêu cầu bài tập  - Hd HS:  GV hỏi: Có 10 con chim, 3 con bây đi còn mấy con ở trên cành?  - Yêu cầu HS hình thành phép tính.  - HS nêu kết quả.  - GV cùng HS nhận xét. | - HS theo dõi.  - HS trả lời.  - HS thực hiện làm bài vào vở.  - HS nêu kết quả.  - HS nhận xét. |
| **III.Hoạt động vận dụng trải nghiệm.**  - Bài học hôm nay, em biết thêm điều gì? | - HS nêu. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiếng Việt**

**Bài 50: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (Trang 112, 113)**

**A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nắm vững cách đọc các vần *ac, ăc, âc, oc, ôc, uc, ưc, at, ăt, ât, ot, ôt, ơt*; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ac, ăc, âc, oc, ôc, uc, ưc, at, ăt, ât, ot, ôt, ơt*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Phát triển kỹ năng viết thông qua viết câu có từ ngữ chứa một số vần đã học.

- Phát triển kỹ năng nghe và nói qua hoạt động nghe truyện *Bài học đầu tiên của thỏ con* và trả lời câu hỏi. Thông qua việc nghe câu chuyện và trả lời câu hỏi, HS cũng được phát triển một số kĩ năng khác như ghi nhớ các chi tiết, suy đoán, đánh gìá, phản hồi, xử lý tình huống,...

- Thêm yêu thích môn học.

**B. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Máy tính, giáo án điện tử, SGK TV

**2. Học sinh:** Bộ đồ dùng TV, bảng, phấn, SGK, vở TV

**C. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **I. Ôn và khởi động**  - HS viết *ac, ăc, âc, oc, ôc, uc, ưc, at, ăt, ât, ot, ôt, ơt*  **II. Hình thành kiến thức**  **1. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  - Đọc vần: Y/c HS (cá nhân, nhóm) đánh vần các vần (theo mẫu *a - cờ - ác*). Lớp đọc trơn đồng thanh.  - Đọc từ ngữ: Y/c HS (cá nhân, nhóm) đọc thành tiếng các từ ngữ. Lớp đọc trơn đồng thanh. GV có thể cho HS đọc một số từ ngữ; những từ ngữ còn lại, HS tự đọc ở nhà.  **2. Đọc đoạn**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có chứa các vần đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó lớp đọc đồng thanh.  - GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc:  *+ Gà mẹ dẫn đàn con đi đâu?*  *+ Tìm thấy mối, gà mẹ làm gì?*  *+ Gà mẹ đã làm gì cho đàn con?*  *+ Theo em, gà mę giống với người mẹ ở điểm nào.*  **3. Viết câu**  - GV hướng dẫn viết vào vở Tập viết 1, tập một câu “*Hạt thóc nảy mầm*” (chữ cỡ vừa trên một dòng kẻ). Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gìan cho phép và tốc độ viết của HS.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | - Hs viết  - Hs đọc  - HS đọc.  - HS đọc.  - Hs lắng nghe.  - Một số (4 - 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs lắng nghe.  - HS viết.  - Hs lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Kể chuyện**  **a. Văn bản**  BÀI HỌC ĐẦU TIÊN CỦA THỎ CON  Từ khi sinh ra, thỏ con chỉ ở trong hang. Một hôm, thỏ con xin phép mẹ được ra ngoài chơi. Thỏ mẹ dặn:  - Con chơi ngoan nhé. Nếu làm sai điều gì, con phải xin lỗi. Được ai giúp đỡ thì con phải cảm ơn.  Thỏ con vâng vâng dạ dạ rồi tung tăng chạy vào rừng. Mải lắng nghe chim sơn ca hót, thỏ con va phải anh sóc. Thỏ con vội vàng khoanh tay và lễ phép nói:  - Cảm ơn anh sóc!  Sóc ngạc nhiên:  - Sao thỏ con lại cảm ơn! Phải nói xin lỗi chứ!  Thỏ gãi đầu, chào anh sóc rồi đi tiếp.  Mải nhìn khi mẹ ngồi chải lông cho khỉ con nên thỏ con bị trượt chân, rơi xuống một cái hố sâu. Thỏ con sợ quá kêu thất thanh:  - Cứu tôi với!  Bác voi từ đâu tới liền đưa vòi xuống hố và nhắc bổng thỏ con lên. Thỏ con luôn miệng:  - Cháu xin lỗi bác voi! Cháu xin lỗi bác voi!  Bác voi cũng rất ngạc nhiên:  - Sao thỏ con lại nói xin lỗi? Phải nói cảm ơn chứ!  Về nhà, thỏ con tíu tít kể lại những chuyện đã xảy ra và khoe với mẹ:  - Mẹ ơi, con hiểu rồi. Nếu làm sai điểu gì, con phải xin lỗi. Được ai giúp đỡ thì con phải cảm ơn.  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời** Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn theo tranh.  Lần 3: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi.  Đoạn 1: Từ đầu đến *chạy vào rừng*. GV hỏi HS:  1. Thỏ con đi chơi ở đâu?  2. Trước khi thỏ con đi chơi, thỏ mẹ dặn dò điều gì?  Đoạn 2: Từ *mải lắng nghe* đến rồi đi tiếp. GV hỏi HS:  3. Vì sao thỏ con va phải anh sóc?  4. Thỏ con nói gì với anh sóc?  5. Vì sao anh sóc ngạc nhiên?  Đoạn 3: Từ *mải nhìn khỉ mẹ* đến *phải nói cảm ơn chứ*. GV hỏi HS:  6. Chuyện gì xảy ra khi thỏ con mải nhìn khi mẹ ngồi chải lông cho khỉ con?  7. Ai cứu thỏ con?  8. Được bác voi cu, thỏ con nói gì với bác voi?  9. Vì sao bác voi ngạc nhiên?  Đoạn 4: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  10. Thỏ con hiểu ra điều gì?  11. Em ghi nhớ điều gì sau khi nghe câu chuyện này?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể  **c. HS kể chuyện**  - GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện. GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kể chuyện. Tuỳ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **III.Vận dụng trải nghiệm.**  - GV nhận xét chung gìờ học, khen ngợi và động viên HS. GV khuyến khích HS thực hành gìao tiếp ở nhà; kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện *Bài học đầu tiên của thỏ con.* | - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - Hs trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS kể.  - HS kể.  - HS lắng nghe. |

**D. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................